

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức đợt học bổ sung vào buổi tối
học kỳ I năm học 2026-2027

Kính gửi: - Các Khoa, Viện, Bộ môn;

- Các phòng Tài chính-KT, CT-Công tác SV, TT-Khảo thí&ĐBCL, QTTB
- Các sinh viên thuộc Trường.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng nhu cầu của sinh viên, Nhà trường triển khai kế hoạch học - Đợt 5 Học kỳ I năm học 2026-2027 từ tuần 6 đến tuần 13 (ngày 21/09/2026 đến 15/11/2026). Đề nghị các khoa, viện, bộ môn liên quan và sinh viên thực hiện theo kế hoạch sau:

1. Thời khóa biểu:

- Căn cứ Thời khóa biểu (dự kiến), đề nghị các khoa, viện, bộ môn phân công giảng viên giảng dạy các học phần và gửi danh sách về phòng Đào tạo trước ngày 07/09/2026.
- Sinh viên có nguyện vọng học các học phần chưa có trong Thời khóa biểu dự kiến, cần nộp đơn xin mở lớp học phần tại Phòng Đào tạo (P.218 tầng 2 nhà F) trước ngày 07/09/2026.

2. Đăng ký, rút học phần:

- Sinh viên thực hiện đăng ký học phần (học buổi tối) tại cổng thông tin chỉ từ ngày **08/09/2026 - 10/09/2026**. Sinh viên học vượt phải có xác nhận của Cố vấn học tập (để đảm bảo diện kiện tiên quyết của học phần) trước khi đăng ký. Sau khi đăng ký thành công, sinh viên cần lưu lại Phiếu đăng ký để đối chiếu trong trường hợp cần thiết.
- Ngày **11/09/2026** phòng Đào tạo rà soát số lượng sinh viên đăng ký lớp tín chỉ và giữ lại các lớp học phần đủ điều kiện, các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên đăng ký tối thiểu sẽ bị hủy theo quy định.
- Sinh viên căn cứ Thời khóa biểu lần 2 (đã được điều chỉnh và cố định) để thực hiện đóng học phí đầy đủ theo quy định. Các học phần sinh viên đã đăng ký sẽ được giữ nguyên và Hạn nộp học phí đến hết ngày **21/09/2026**.
- Sinh viên có nguyện vọng đăng ký bổ sung các học phần thì phải làm xin đăng ký bổ sung nộp tại Phòng Đào tạo (P.218 tầng 2 nhà F) hoặc đăng ký tại cổng tin chỉ trước ngày **18/09/2026**.

3. Tổ chức lớp:

- Ngày **11/09/2026**, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu lần 2 (sau khi sinh viên đã đăng ký học phần).

- Ngày **18/09/2026**, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu chính thức.
- Nộp học phí: Sinh viên thực hiện nộp học phí theo một trong các hình thức sau:
 - + Thanh toán học phí trực tuyến Online qua Website của Nhà trường;
 - + Chuyển khoản qua Mã định danh;
 - + Thời gian thu: **12/09/2026 – 21/09/2026**
- Số lượng sinh viên tối thiểu để tổ chức lớp:
 - + Các lớp học phần lý thuyết: **30 sinh viên**;
 - + Các lớp học phần đồ án: **10 sinh viên**.
 - + Trường hợp đặc biệt, nếu sinh viên có nhu cầu mở lớp học phần có số lượng sinh viên ít hơn quy định, sinh viên phải làm **đơn xin mở lớp, cam kết nộp học phí đầy đủ** để trình Nhà trường xem xét, quyết định.
- Hình thức học: Học trực tiếp và trực tuyến
- Thời gian học: Tuần 06 đến tuần 13 (ngày **21/09/2026 đến 15/11/2026**).
- Thời gian thi: Tuần 14 (ngày **16/11/2026 đến 21/11/2026**).

Lưu ý:

- Từ sau ngày 21 tháng 09 năm 2026, sinh viên không được hủy học phần, sinh viên không nộp học phí, Nhà trường xử lý theo quy định. Trường hợp sinh viên đã nộp tiền mà không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học, sẽ phải nhận điểm F và không được rút học phí của học phần đã đăng ký.

- Các sinh viên **PHẢI** quản lý tài khoản của mình và thường xuyên cập nhật thông tin trên trang tin chỉ để tránh tình trạng bị lợi dụng tài khoản đăng ký học ảo. Sinh viên phải chịu trách nhiệm về tài khoản cá nhân của mình. Sinh viên đăng ký mà không nộp học phí sẽ bị kỷ luật theo quy định.

- Cố vấn học tập chịu trách nhiệm nhắc nhở, hướng dẫn và đôn đốc sinh viên thực hiện đúng thông báo này.

- Sinh viên download mẫu đơn theo đường link sau:

https://drive.google.com/drive/folders/16ABqj1d4qr8ZVqRnbEddo_g_JyPk_YJi

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Chủ tịch HĐ Trường;
- Các khoa/viện bậc đại học;
- Giảng viên, Sinh viên toàn trường
- Lưu VT, ĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS.KTS. *Ngô Thị Kim Dung*

THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN ĐỢT HỌC BỔ SUNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số 597/ĐH-ĐT ngày 3 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
1	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_BS1	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
2	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_BS2	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
3	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_BS1	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
4	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_BS2	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
5	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_BS1	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
6	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_BS2	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
7	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	XD3005_BS	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
8	XD3006	Cơ học kết cấu 2	3	XD3006_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
9	XD3204	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	XD3204_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
10	XD3521	ĐA QL4 - Quản lý dự án xây dựng	2	XD3521_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
11	QL5017.1	Đầu thầu trong xây dựng	2	QL5017.1_BS	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
12	XD3101	Địa chất công trình	2	XD3101_BS1	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
13	XD3101	Địa chất công trình	2	XD3101_BS2	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
14	XD3202.2	Đồ án kết cấu BTCT 1	2	XD3202.2_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
15	QL5003.1	Đồ án kinh tế đầu tư	2	QL5003.1_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
16	XD3502.2	Đồ án kỹ thuật thi công 1	2	XD3502.2_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
17	XD3503	Đồ án Kỹ thuật thi công 2	1	XD3503_BS	19/10 19/10	15/11 8/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
18	XD3107.2	Đồ án Nền và móng	2	XD3107.2_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
19	XD3526	Đồ án tổ chức thi công	2	XD3526_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
20	QL5025	Hạch toán kế toán xây dựng	3	QL5025_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
21	KT0101	Hình học họa hình	2	KT0101_BS	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
22	KT0101.1	Hình học họa hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_BS1	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)

24

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
23	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_BS2	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
24	XD3301	Kết cấu thép 1	3	XD3301_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
25	XD3303	Kết cấu thép P2	2	XD3303_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
26	XD3314.2	Kết cấu thép và liên hợp nhà cao tầng	2	XD3314.2_BS	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
27	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_BS1	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
28	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_BS2	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
29	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_BS3	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
30	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_BS1	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
31	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_BS2	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
32	XD3501.1	Kỹ thuật thi công 1	2	XD3501.1_BS	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
33	XD3501.2	Kỹ thuật thi công 2	2	XD3501.2_BS	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
34	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_BS1	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
35	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_BS2	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
36	MT8125	Kỹ thuật ẩn loát	2	MT8125_BS	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
37	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_BS1	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
38	XD3513.2	Mô hình thông tin công trình	2	XD3513.2_BS	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
39	MT80201	Nghệ thuật ảnh	2	MT80201_BS	21/9 21/9	15/11 8/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
40	QL4702	Pháp luật xây dựng	1	QL4702_BS	21/9	18/10		Thứ 4(T13-16)
41	QL5012.1	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	QL5012.1_BS	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
42	XD3001	Sức bền vật liệu 1	2	XD3001_BS1	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
43	XD3001	Sức bền vật liệu 1	2	XD3001_BS2	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
44	XD3003	Sức bền vật liệu 2	3	XD3003_BS1	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
45	XD3003	Sức bền vật liệu 2	3	XD3003_BS2	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
46	XD3506.1	Thi công công trình ngầm	2	XD3506.1_BS	21/9 21/9	18/10 18/10		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
47	DT2101	Thủy lực 1	2	DT2101_BS	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
48	DT2102	Thủy lực 2	2	DT2102_BS	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
49	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_BS(NK)	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
50	NN3703	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703_BS(KT)	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
51	NN3703.3	Tiếng Anh Chuyên Ngành (CNTT)	2	NN3703.3_BS	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
52	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_BS1	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
53	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_BS2	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
54	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS1	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
55	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS2	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
56	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
57	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
58	NN3803	Tiếng Pháp chuyên ngành	2	NN3803_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
59	NN3801	Tiếng Pháp P1	3	NN3801_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
60	NN3802	Tiếng Pháp P2	3	NN3802_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
61	NN3800.1	Tiếng Pháp tăng cường P1	3	NN3800.1_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
62	NN3800.2	Tiếng Pháp tăng cường P2	3	NN3800.2_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
63	XD3504.2	Tổ chức thi công	3	XD3504.2_BS	21/9 21/9	1/11 1/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
64	CT3901.1	Triết học Mác - Lênin	3	CT3901.1_BS1	21/9 21/9	15/11 15/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
65	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_BS2	21/9 21/9	15/11 15/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
66	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_BS	21/9 21/9	25/10 25/10		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
67	MT85222	Văn hóa Việt Nam	2	MT85222_BS	19/10 19/10	15/11 15/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)

Danh sách có 67 lớp học phần.

th